

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2021
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim L1 (Bé E), sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp C xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

Bà L1 có mặt, ông L2 vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày và vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L2, yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Diễm Tr1, sinh năm 2007, không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Lý do yêu cầu như trên được bà L1 trình bày như sau:

Về điều kiện kết hôn: Bà và ông L2 sau một thời gian tìm hiểu và đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông L2 tổ chức lễ cưới năm 1998, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Kh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An ngày 16/7/2016. Sau khi cưới bà và ông L2 về sinh sống tại ấp C, xã Kh cho đến nay. Bà và ông L2 có 03 con chung tên Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1999 đã trưởng thành tự chăm sóc bản thân và đi làm có thu nhập, Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 2001 (đã chết do tai nạn), Nguyễn Thị Diễm Tr1, sinh năm 2007 cũng đã đi làm. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà hạnh phúc kéo dài đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc, ông L2 thường xuyên rượu chè rồi kiếm chuyện gây gổ, đánh bà, có lần ông L2 còn sử dụng dao để uy hiếp bà. Bà sống với ông L2 không có hạnh phúc và từ tháng 4/2021 đến nay đã không còn sống chung nhưng ông L2 vẫn thường xuyên về kiếm chuyện hành hung bà mà không có ý muốn hàn gắn tình cảm.

- Về ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai và tại hòa giải ngày 02/6/2021, ông L2 không đồng ý ly hôn với bà L1 vì lý do bà L1 không giao con chung tên Diễm Tr1 cho ông nuôi dưỡng, về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung và nợ chung thì ông thống nhất như bà L1 trình bày.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định.

Nội dung vụ án: Bà L1 yêu cầu ly hôn với ông L2 vì cho rằng ông L2 có hành vi đánh đập bà, vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không có mục đích, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có. Ông L2 bỏ mặc và không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của mình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Con chung Diễm Tr1 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ là bà L1; Bà L1 có yêu cầu nuôi con chung và hiện nay cũng có việc làm, có thu nhập. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L1, giao con chung Diễm Tr1, sinh ngày 30/4/2007 cho bà L1 nuôi dưỡng và chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà L1 yêu cầu ly hôn với ông L2 và yêu cầu nuôi con chung nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Ông L2 có nơi cư

trú tại ấp C, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông L2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông L2 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà L1 và ông L2 là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kh, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 16/7/2016 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo quy định pháp luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung ông L2 không tôn trọng bà L1 mà có hành vi đánh đập dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; Nay bà L1 xác định không còn tình cảm với ông L2, vợ chồng đã không còn sống chung; Ông L2 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra lý do chính đáng và cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà L1 và ông L2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà L1 có nguyện vọng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Diễm Tr1, sinh ngày 30/4/2007; Cháu Trinh đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng muốn được ở với bà L1; Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 12/5/2021, bà L1 có thu nhập từ việc làm thuê còn ông L2 thì không có việc làm ổn định. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L1, giao con chung Diễm Tr1 cho bà L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà Trinh không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: bà L1 và ông L2 đều thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung, về nợ chung thì không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà L1.

[6] Về án phí: Do bà L1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà L1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Lê Thị Kim L1.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn L2.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Diễm Tr1 (Giới tính: nữ), sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 cho bà Lê Thị Kim L1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Lê Thị Kim L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Lê Thị Kim L1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Kim L1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 06 tháng 5 năm 2021 theo biên lai thu tiền số 0002920 sang tiền án phí.

Báo cho bà Lê Thị Kim L1 biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND/x Kh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu